

Số: 17/2018/QĐST-HNGĐ

Phong Thổ, ngày 06 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2018/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Tao Thị H.** - Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh **Vàng Văn B.** - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn B.** - Sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn Chị **Tao Thị H** và bị đơn anh **Vàng Văn B.**

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị **Tao Thị H** và bị đơn anh **Vàng Văn B** thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Nguyên đơn chị Tao Thị H và bị đơn anh Vàng Văn B có 01 con chung. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thống nhất:

Giao con chung là cháu Vàng Thái A, sinh ngày 21/04/2014 cho nguyên đơn chị Tao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

* Về cấp dưỡng: Nguyên đơn chị Tao Thị H không yêu cầu bị đơn anh Vàng Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Vàng Văn B có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Tao Thị H và bị đơn anh Vàng Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Nguyên đơn chị Tao Thị H và bị đơn anh Vàng Văn B có nợ Ngân hàng C số tiền là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Nguyên đơn chị Tao Thị H, bị đơn anh Vàng Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C (Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn B) thỏa thuận thống nhất:

Sau khi ly hôn bị đơn anh Vàng Văn B sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) cùng lãi suất cho Ngân hàng C.

* Về án phí: Nguyên đơn chị Tao Thị H và bị đơn anh Vàng Văn B mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Chị Tao Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cả bị đơn. Vậy chị Tao Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002072, ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy khấu trừ án phí chị Tao Thị H được nhận lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá